

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2020/HSST**

Ngày: 28 - 10 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bá Thành và bà Lò Thị Đình;

- Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Văn Long, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận, là Kiểm sát viên;

Ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2020/HSST ngày 01 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: Hoàng Anh T; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 26 tháng 5 năm 2002, tại Điện Biên; nơi cư trú: Bản N, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình Th và bà Lò Thị X; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Học hết lớp 9 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp việc gia đình; bị cáo được giao cho người đại diện giám sát từ ngày 25/5/2020 cho đến nay; có mặt.

2. Bị cáo: Nguyễn V; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 20 tháng 01 năm 2002, tại Điện Biên; nơi cư trú: Tổ dân phố 01, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm tóc; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Việt B và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Học hết lớp 9 thì nghỉ học và học nghề làm tóc; bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/5/2020 cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Bà Vũ Thị L; địa chỉ: Đội 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Đăng C; địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ; có mặt;

- Bà Lù Thị X; địa chỉ: Bản Noong Chứn, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 01 giờ ngày 21/5/2020, sau khi cùng nhau chơi điện tử ở quán Net 69, Nguyễn V rủ Hoàng Anh T đi trộm cắp tài sản. T đi xe máy biển kiểm soát 27B1-845.14 của mẹ là Lù Thị X chở V đi lang thang trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ tìm sơ hở để trộm cắp tài sản nhưng không được. Trên đường đi T lấy cớ lê có sẵn trong cốp xe, tháo biển kiểm soát xe đưa cho V cất vào cốp để tránh bị phát hiện và rủ V ra chợ Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ để cướp giật tài sản, V đồng ý. Khoảng 03 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai đến ngã tư cung văn hóa thiếu nhi, thì thấy bà Vũ Thị L đi xe máy vượt qua, ở Ti quần bên trái của bà L có hở ra một điện thoại di động; V bảo T: "*Có điện thoại di động trong Ti quần bà kia lòi ra kia*"; T bảo làm liều một lần đi, V đồng ý. T lái xe đuổi theo xe bà L và hỏi V có giật được điện thoại không, thì V nói "Sợ"; T bảo cứ đi đi rồi đổi lái. Khi vượt qua bà L khoảng 10 m, T dừng lại đổi cho V lái xe, T ngồi sau bảo V đi sát vào xe bà L để T giật điện thoại. V đi xe song song bên trái với xe bà L. Đến đoạn đường thuộc tổ dân phố 6, phường Thanh Trường, khi cách bà L khoảng 30 cm thì T nhào người sang, dùng tay trái đẩy điện thoại trong Ti quần bà L lên và dùng tay phải giật lấy điện thoại. Bà L quay sang nhìn và hô hoán thì T vỗ vai V bảo đi nhanh; V tăng ga bỏ chạy, bà L đuổi theo nhưng không kịp. Trên đường về quán Nets69, T và V đổi lái và kiểm tra điện thoại giật được thì thấy đây là điện thoại Samsung Glxy J15+ màu xanh dương, có dán kính C lực, ốp nhựa và hai sim. Trong vỏ ốp có hai tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, V lấy tiền cho vào Ti quần và vứt vỏ ốp đi. Đến quán Net69 V đưa cho T 100.000 đồng và tháo hai sim điện thoại cùng kính C lực để lên mặt bàn máy tính; T bỏ một sim điện thoại vứt vào thùng rác. Khoảng 06 giờ ngày 21/5/2020, V xóa hết dữ liệu trong điện thoại rồi cùng T mang điện thoại đến quán của anh Phạm Đăng C, tại đây V nói dối là điện thoại của mình và bán cho anh C được 1.500.000 đồng, chia cho T 750.000 đồng; cả hai đã chi tiêu cá nhân hết.

Cơ quan điều tra đã thu giữ được chiếc điện thoại các bị cáo đã cướp giật; riêng vỏ ốp và 02 sim các bị cáo vứt đi không thu hồi được.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi cướp giật điện thoại di động của mình; người bị hại khai về việc bị cướp giật điện thoại di động; người có quyền lợi liên quan khai về việc mua điện thoại của các bị cáo như đã nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS.

2. Các vấn đề khác:

Bà L đã nhận lại điện thoại bị cướp, 200.000 đồng kẹp trong vỏ ốp điện thoại

bà L cho các bị cáo, không yêu cầu bồi thường. Ông C yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền đã trả để mua điện thoại, nếu chưa trả được thì phải chịu lãi theo quy định; các bị cáo nhất trí. Ngoài ra, cơ quan điều tra còn tạm giữ của các bị cáo xe máy biển kiểm soát 27B1-845.14, đăng ký xe và một cò lê. Chiếc xe này bà X khai là của bà X mua bằng tiền vay và tiền của mình, cho T đứng tên trên giấy đăng ký để khi T đủ tuổi thành niên và có bằng lái thì cho T; bà X không biết việc T dùng xe đi cướp giật tài sản và yêu cầu được nhận lại xe.

Hội đồng định giá kết luận chiếc điện thoại, hai sim, vỏ ốp, kính dán có tổng trị giá 2.886.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và bị hại không khiếu nại về quyết định giá nêu trên.

3. Cáo trạng số 98/CT-VKSTPĐBP ngày 01/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố các bị cáo về tội "*Cướp giật tài sản*", theo điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội "*Cướp giật tài sản*" và đề nghị: Áp dụng điểm d khoản 2 điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 6 Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101; khoản 1 Điều 17 và Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo T từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Áp dụng d khoản 2 điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17 và Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo V từ 36 tháng đến 42 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối các bị cáo. Trả lại cho bà Lò Thị X xe máy cùng giấy đăng ký xe và Cò lê đã tạm giữ. Công nhận sự thỏa thuận về bồi thường dân sự giữa các bị cáo và ông Phạm Đăng C.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố và luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Các bị cáo đã nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo đó, có đủ căn cứ để xác định: 01 giờ sáng ngày 21/5/2020, Hoàng Anh T chở Nguyễn V bằng xe máy đi lang thang trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ để trộm cắp tài sản. Khi không trộm cắp được thì T rủ V đi cướp giật tài sản. Khoảng 03 giờ 30 ngày 21/5/2020, khi phát hiện bà Vũ Thị L đang đi xe máy một mình, trong Túi quần có chiếc điện thoại di động hờ ra. T đổi lái cho V đuổi theo xe bà L, T ngồi sau. Khi đến khu vực tổ dân phố 6, phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ, khi hai xe đi song song nhau với khoảng cách gần, T nhào người sang, dùng tay nhanh chóng giật lấy chiếc điện thoại

đi động Samsung Glxy J15+ màu xanh dương trị giá 2.886.000 đồng của bà L, kẹp trong vỏ ốp điện thoại còn có 200.000 đồng. Sau khi cướp giật được, các bị cáo đem điện thoại bán cho ông Phạm Đăng C lấy 1.500.000 đồng rồi chia nhau ăn tiêu cá nhân hết; khi bán V nói dối là điện thoại của mình.

Xe máy các bị cáo dùng để đi cướp giật tài sản là của bà Lù Thị X (*mẹ bị cáo T*) mua bằng tiền của mình, T sống phụ thuộc vào gia đình, không có đóng góp gì vào tài sản này. Việc các bị cáo thực hiện hành vi cướp giật tài sản khi các bị cáo và người bị hại đều đang ngồi trên xe máy chạy trên đường, có thể gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của người khác hoặc của chính các bị cáo, thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm được quy định trong BLHS. Các bị cáo không có sự phân công vai trò cụ thể, sự đồng phạm mang tính chất giản đơn nên vụ án không có tính tổ chức; trong đó T là người khởi xướng, trực tiếp giật tài sản nên có vai trò chính, V là người giúp sức tích cực cho T giật tài sản.

Điều 171 BLHS quy định:

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm.

Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Cướp giật tài sản*" theo khoản 2 điều luật đã viện dẫn ở trên.

[2] *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt:*

Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng mà nguyên nhân là do các bị cáo thiếu ý thức rèn luyện, ham chơi điện tử, thiếu sự quản lý của gia đình. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo T chưa đủ 18 tuổi nhưng đã hơn 16 tuổi (*17 tuổi 11 tháng 25 ngày*). Đối với các bị cáo các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa nên cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo. Áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo theo các điểm, khoản tương ứng của Điều 51 BLHS đối với các bị cáo. Bị cáo T khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, nên được áp dụng các quy định của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội và chịu hình phạt nhẹ hơn bị cáo V .

[3] *Về hình phạt bổ sung:* Theo khoản 5 Điều 171 BLHS thì: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng"; tuy nhiên, bị cáo T phạm tội khi chưa đủ tuổi thành niên, bị cáo V đang học nghề làm tóc; các bị cáo đều sống phụ thuộc vào gia đình, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] *Bồi thường dân sự:* Bà Vũ Thị L đã nhận lại điện thoại bị mất và không có yêu cầu bồi thường, nên HĐXX không đề cập giải quyết bồi thường đối với bị hại.

Ông Phạm Đăng C và các bị cáo thỏa thuận từ trước khi mở phiên tòa về việc các bị cáo phải bồi thường 1.500.000 đồng tiền ông C đã trả để mua điện thoại; sự thỏa thuận này không trái quy định của pháp luật nên HĐXX cần công nhận.

[5] *Vật chứng và các vấn đề khác*: Chiếc điện thoại các cáo cướp giật được Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại nên HĐXX không đề cập xử lý. Riêng đối với xe mô tô, giấy đăng ký xe và chiếc cờ lê là tài sản của bà X, mặc dù đăng ký xe tên mang tên T nhưng ở thời điểm đăng ký xe T chưa đủ tuổi thành niên và không có đóng góp gì vào tài sản này; bà X không biết T dùng xe vào việc phạm tội nên trả lại xe cho bà X.

[6] *Án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền phải bồi thường do các bị cáo và người được bồi thường đã thỏa thuận với nhau về việc bồi thường từ giai đoạn điều tra, chỉ yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường vào bản án.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Anh T và Nguyễn V phạm tội "Cướp giật tài sản".

2. Hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 2 điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 6 Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101; khoản 1 Điều 17 và Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Hoàng Anh T 24 (hai mươi bốn) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng d khoản 2 điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 17 và Điều 58 BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn V 36 (ba mươi sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam 25/5/2020.

3. Bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 127, Điều 131 và khoản 2 Điều 357 BLDS: Công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và ông Phạm Đăng C như sau: Các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Phạm Đăng C số tiền 1.500.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng; trong đó: Bị cáo Hoàng Anh T phải bồi thường 750.000 (*bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng; bị cáo Nguyễn V phải bồi thường 750.000 (*bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Phạm Đăng C cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS: Trả lại cho bà Lù Thị X 01 xe máy biển kiểm soát 27B1-845.14 (số máy: JA39-E0897200 và số khung: RLH391XKY041206) và một cờ lê kim loại; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Hoàng Anh T (*Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/10/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ*).

5. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/10/2020). Nếu những người này vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát TP.ĐBP;
- Viện kiểm sát tỉnh ĐB;
- Cơ quan CSĐT công an TP.ĐBP;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- HS Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DSTPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung

